

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 -8-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan

2. Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ, ngày 3 tháng 8 năm 2020, về việc tranh chấp “ Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ , ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H T M L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp A , xã H T, huyện Đ H, tỉnh L A.

Bị đơn: Ông H P L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp A, xã L B, huyện B L, tỉnh L A.

(Các đương sự triệu tập có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà H T M L trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Bà H T M L và ông H P L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung sống bên gia đình của anh L, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi lần bà L đi về thăm cha mẹ ruột về là bị ông L chửi bới. Trong cuộc sống ông L quá khó khăn với bà, hay lười phải, chì chiết bà, đuổi bà đi. Vào tháng 7/2011 bà đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, từ khi bà về cha mẹ ruột ở ông L không đến thăm con, không phụ tiền để nuôi con. Nay bà L xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông H P L và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà L, ông L chung sống có 01 con chung H T P, sinh ngày 24/6/2011, hiện nay bà đang nuôi cháu P. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có.

Bị đơn ông H P L trình bày: Ông và bà L kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L B, huyện Bến Lức. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp 1, xã L B, huyện Bến Lức. Chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bà L không quan tâm chăm sóc, lo lắng cho ông. Ông bà đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà L xin ly hôn ông L không đồng ý vì ông đang bị bệnh, cha, mẹ ông già yếu không ai lo cho ông.

Về con chung: Ông thống nhất với trình bày của bà L.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H T M L khởi kiện ly hôn với ông H P L. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Bà H T M L và ông H P L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2008, ngày 25/12/2008, quyền số 01. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H T M L đối với ông H P L, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông L xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống. Bà L và ông L không quan tâm chăm sóc nhau, bà L và ông L đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, giữa bà L và ông L chung sống với nhau có 3 năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân đã quá lâu, không còn tình cảm với nhau nữa. Ông L yêu cầu được đoàn tụ với lý do là ông L bị bệnh không có người chăm sóc là không thuyết phục. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H T M L.

[4] Về nuôi con chung: Bà L và ông L chung sống với nhau có 01 con chung tên H T P, sinh ngày 24/6/2011. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi cháu P. Xét thấy cháu P từ khi sinh ra cho đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại bà L là công nhân có mức lương ổn định, và cháu P có nguyện vọng sống với mẹ, nên bà L yêu cầu nuôi con là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến và ông L không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật

[6] Tài sản chung; nợ chung: Bà L và ông L đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H T M L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H T M L với ông H P L .

Cho bà H T M L được ly hôn với ông H P L.

2. Về nuôi con chung: Bà H T M L và ông H P L có 01 con chung tên H T P, sinh ngày 24/ 6/2011. Giao con chung H T P cho bà H T M L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H P L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà H T M L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được khấu trừ tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02210 ngày 30/7/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

-VKSND huyện Bến Lức;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã L B ,
- Lưu HS, lưu án văn.

Huỳnh Thị Hoàng